

Số: 268/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 17 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 447/AL ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh Hồ Văn C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 447/AL ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Hồ Văn C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 (Quyển số 01/2005), ngày 23/02/2005 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung:

Có 03 con chung tên Hồ Thị Vi M, sinh ngày 12/9/1992, Hồ Minh N, sinh ngày 31/12/2004 và Hồ Minh K, sinh ngày 02/5/2010. Khi ly hôn, anh Hồ Văn C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Minh K, sinh ngày

02/5/2010 đến khi cháu K tròn 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của cháu K). Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung là Hồ Thị Vi M, sinh ngày 12/9/1992, Hồ Minh N, sinh ngày 31/12/2004 đã trưởng thành anh C, chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Kiều T đồng ý nộp. Số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008815 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị T được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rên